TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/DS-ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ;
2. Ông Nguyễn Xuân Trường;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên;

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử vụ án dân sự thụ lý số 63/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2023/QĐXXST-DS ngày 14/7/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 124/2023/QĐST-DS ngày 08/8/2023 giữa:

* ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thi L, sinh năm 1986 (Có đơn xử vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Hiệp Hoà - Bắc Giang.

* ***Bị đơn***: - Anh Văn Hữu T, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
- Chị Nông Hồng L1, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Hiệp Hoà - Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:* Do mối quan hệ quen biết nên chị có cho vợ chồng anh Văn Hữu T, chị Nông Hồng L1 vay số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Khi vay các bên có viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/9/2021 âm lịch (tức ngày 29/10/2021 dương lịch), thời hạn vay là 01 tháng. Trong giấy biên nhận các bên không thoả thuận về tiền lãi, nhưng có thoả thuận miệng tiền lãi là 2.000 đồng/ngày/triệu đồng, mục đích anh T, chị L1 vay tiền để làm ăn kinh tế gia đình. Chị đã trực tiếp đưa đủ số tiền 400.000.00 đồng cho vợ

chồng anh T, chị L1 nên anh T, chị L1 ký biên nhận vay tiền. Đến hạn trả nợ thì vợ chồng anh T, chị L1 không trả; chị đã đòi nhiều lần nhưng đến nay anh T, chị L1 vẫn không thực hiện trả nợ cho chị được bất kỳ khoản tiền nào, kể cả tiền gốc và tiền lãi. Do vậy, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Văn Hữu T và chị Nông Hồng L1 phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc đã vay là 400.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 29/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm xong. Ngoài ra, chị L không còn yêu cầu gì khác. Khoản tiền chị L cho anh T, chị L1 vay là tiền của cá nhân chị không L quan đến chồng chị.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các biện pháp tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đối với bị đơn là anh Văn Hữu T và chị Nông Thị Hồng L1 đến Tòa án để làm việc và thể hiện quan điểm trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh T, chị L1 cố tình vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Toà án.

* *Quá trình giải quyết vụ án anh Hồ Tuấn Lịnh trình bày:* Anh là chồng của chị Nguyễn Thị L. Anh khẳng định số tiền chị L cho vợ chồng anh T, chị L1 vay phải là tiền của riêng chị L, không phải là tài sản chung của vợ chồng anh. Anh xác định không L quan gì đền vụ việc này và đề nghị Toà án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Ngoài ra anh không còn ý kiến gì khác.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn là anh T, chị L1 vắng mặt không có lý do nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện; bị đơn anh T, chị L1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét: Áp dụng: Điều 463; khoản 4 Điều 466, Điều 468; Điều 470 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

2. Buộc anh Văn Hữu T và chị Nông Hồng L1 phải có nghĩa vụ L đới trả chị Nguyễn Thị L tổng số tiền là 470.840.000đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000đồng; tiền lãi chậm trả là 70.840.000đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Văn Hữu T và chị Nông Hồng L1 phải L đới chịu phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* ***Về thủ tục tố tụng:***

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, báo gọi đối với bị đơn là anh Văn Hữu T và chị Nông Hồng L1 nhiều lần nhưng anh T, chị L1 không đến Toà án trình bày quan điểm, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, Toà án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ như ghi lời khai bị đơn và không tiến hành phiên hoà giải giữa các đương sự trong vụ án được. Mặt khác trước khi mở phiên toà, Toà án đã thực hiện tống đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho anh T, chị L1 là bị đơn theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08/8/2023 bị đơn là anh T, chị L1 vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh T, chị L1 nhưng anh T, chị L1 tiếp tục vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không đặt ra xem xét về thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp với nhau về khoản nợ xuất phát từ việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền không trả. Cho nên, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4]. Về tư cách tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Toà án có đưa anh Hồ Tuấn Lịnh (chồng chị L) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh Hồ Tuấn Lịnh trình bày số tiền chị L cho anh T, chị L1 vay không phải tài sản chung của vợ

chồng anh và anh không có L quan số tiền này nên anh Lịnh đề nghị Toà án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án; nguyên đơn chị L cũng xác định anh Hồ Tuấn Linh không có L quan đến số tiền chị cho bị đơn vay. Do vậy, có cơ sở xác định anh Hồ Tuấn Lịnh không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trong vụ án này.

* Về Nội dung:

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền gốc thấy rằng:

[5.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn anh Văn Hữu T và chị Nông Hồng L1 đã được Tòa án tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh T, chị L1 không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ nào và cũng không thể hiện quan điểm của mình trước yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp gồm: Bản gốc "*Giấy biên nhận vay tiền*" ngày 24/9/2021" âm lịch có chữ ký, chữ viết tại mục *"Người vay tiền"* của anh Văn Hữu T và chị Nông Thị L1. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ngày 24/9/2021 anh T, chị L1 đã vay của chị Nguyễn Thị L số tiền 400.000.000đồng là đúng. Theo "*Giấy biên nhận vay tiền"* hai bên có thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, đến hạn anh T, chị L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, chị L khởi kiện yêu cầu anh T, chị L1 phải có trách nhiệm thanh toán tiền gốc đã vay là có cơ sở chấp nhận.

[5.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc anh T, chị L1 trả số tiền lãi theo quy định từ ngày 29/11/2021 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2023) thì thấy rằng: Căn cứ vào "*Giấy biên nhận vay tiền*" ngày 24/9/2021" âm lịch thì các bên không thoả thuận lãi suất. Do vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Đến hạn trả nợ (là ngày 30/11/2021) phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc vay nên lỗi chậm trả nợ hoàn toàn thuộc về phía bị đơn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lãi chậm trả là đúng với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 2 điều 468 và khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi chậm trả như sau:

Lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Vậy từ ngày 30/11/2021 (được xác định là ngày chậm trả nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm (08/9/2023) là 01 năm 09 tháng 08 ngày nên số tiền lãi tương ứng là: (400.000.000 đồng (tiền gốc chậm trả) x 0,83% x 01 năm 09 tháng 08 ngày) = 70.840.000 đồng.

Do đó, anh T, chị L1 phải trả cho chị L tổng số tiền lãi chậm trả là 70.840.000 đồng.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Văn Hữu T và chị Nông Hồng L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu của chị Nguyễn Thị L được chấp nhận nên chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 463; khoản 4 Điều 466, Điều 468; Điều 470 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

2. Buộc anh Văn Hữu T và chị Nông Hồng L1 phải có nghĩa vụ L đới trả chị Nguyễn Thị L tổng số tiền là 470.840.000đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000đồng; tiền lãi chậm trả là 70.840.000đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Văn Hữu T và chị Nông Hồng L1 phải L đới chịu 22.833.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.632.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002556 ngày 16/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Dương Văn Hải